

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HS-ST
Ngày: 16 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hằng

Bà Thanh Thị Minh Hiền

Ông Phan Đình Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bạch Hoàng Hùng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1972 tại tỉnh B (nay là tỉnh L); Nơi cư trú: Tổ dân phố 11 B1, phường L, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Tổ 7, khu phố 11, phường B1, thị xã L, tỉnh B); Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Huỳnh Thị L1 (đã chết); Bị cáo có chồng và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 12/02/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 09/2015/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/02/2016, đã xóa án tích; Bị tạm giữ từ ngày 17/11/2024 đến ngày 25/11/2024, tạm giam từ ngày 26/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh L, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Văn H – Luật sư Văn phòng Luật sư số 10A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

2. Phạm Thị T, sinh năm 1982 tại tỉnh B (nay là tỉnh L); Tên gọi khác: Bé; Nơi cư trú: Tổ dân phố 11 B1, phường L, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Khu phố 11, phường

B1, thị xã L, tỉnh B); Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới Tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 (đã chết) và bà Trương Thị D (đã chết); Bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ từ ngày 17/11/2024 đến ngày 25/11/2024, tạm giam từ ngày 26/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh L, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Cáo trạng:

Vào lúc 20 giờ 05 phút, ngày 16/11/2024, tại khu vực phía trước Ngân hàng VietinBnk trên đường Ng, thuộc khu phố 3, phường B2, thành phố P, tỉnh B (nay là phường P, tỉnh L), tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B (nay là tỉnh L) phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, ma túy Công an thị xã L và Công an phường B2, thành phố P tiến hành kiểm tra hành chính đối với Phạm Thị T và Nguyễn Thị B đang đứng gần xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48 do anh Nguyễn Trọng Q điều khiển.

Qua kiểm tra, thu giữ trong túi quần bên trái của Phạm Thị T đang mặc có một hộp giấy màu trắng bên ngoài có hình chiếc tông đơ hót tóc hiệu “VINTAGE T9”, kích thước khoảng (16,5 x 06 x 4,5)cm, mở hộp giấy này ra bên trong có chứa: 01 (một) gói nylon không màu được hàn kín một đầu, kích thước khoảng (15 x 18)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1).

Phạm Thị T và Nguyễn Thị B đều khai nhận chất tinh thể màu trắng thu trong người của T là ma túy do B đưa cho Toàn cất giấu và B thuê xe ô tô của anh Nguyễn Trọng Q để chở B và T đi từ nhà của B tại thị xã L đến thành phố P giao bán cho một người thanh niên (không rõ nhân thân), nhưng chưa kịp bán ma túy thì bị Công an bắt giữ.

Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của Nguyễn Thị B số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động; thu giữ của Phạm Thị T 01 điện thoại di động; thu giữ của anh Nguyễn Trọng Q 01 xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu “HONDA” loại “CITY RS”, biển kiểm soát 86A-233.48, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 giấy biên nhận thể chấp xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48.

Trên cơ sở lời khai nhận của Nguyễn Thị B và Phạm Thị T, đến 04 giờ 30 ngày 17/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B1 khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị B tại tổ 7, khu phố 11, phường B1, thị xã L, tỉnh B (nay là tổ dân phố 11 B1, phường L, tỉnh L) thu giữ các đồ vật gồm:

- Thu giữ trong tủ đựng quần áo bằng nhôm kính trong phòng ngủ của Nguyễn Thị B: 02 (hai) gói nylon không màu, được hàn kín một đầu, gói thứ nhất có kích thước khoảng (18 x 14,5)cm (ký hiệu M2), gói thứ hai có kích thước khoảng (24 x 14,5)cm, bên trong cả 02 gói này đều có chứa chất tinh thể màu trắng

(*ký hiệu M3*); 01 (một) vỏ hộp hình chữ nhật bằng giấy, kích thước khoảng (10 x 18,5 x 06)cm có chứa 14 (mười bốn) gói nylon không màu, có đặc điểm giống nhau, đều có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước 14 gói nylon này đều như nhau khoảng (07 x 04)cm, bên trong 14 gói nylon này đều có chứa chất tinh thể màu trắng (*ký hiệu M4*); 09 (chín) gói nylon không màu, tất cả 09 gói nylon này đều được hàn kín, trong đó có 03 gói nylon trên đó có đánh dấu X bằng bút màu xanh, các gói nylon còn lại không có dấu, 09 gói nylon này có kích thước khác nhau, không đồng nhất, không đo kích thước, bên trong cả 09 gói nylon này đều có chứa chất rắn màu trắng (*ký hiệu M5*); 02 (hai) gói nylon không màu, có đặc điểm giống nhau có nhíp kéo màu đỏ một đầu, kích thước 02 gói nylon bằng nhau khoảng (07 x 04)cm: bên trong gói nylon thứ nhất chứa 05 (năm) đoạn ống hút bằng nhựa màu xanh hàn kín 02 đầu, kích thước các đoạn ống hút bằng nhựa này không đồng nhất nên không đo kích thước (*ký hiệu M6*); bên trong gói nylon thứ hai chứa 04 (bốn) đoạn ống hút bằng nhựa màu xanh, hàn kín 02 đầu, kích thước các đoạn ống hút bằng nhựa này không đồng nhất nên không đo kích thước, bên trong tất cả các đoạn ống hút này đều chứa chất rắn màu trắng (*ký hiệu M7*); Số tiền 73.450.000 đồng và 01 cân điện tử màu đen.

- Thu giữ trên bàn kê trong phòng nhỏ tại tầng 1 nhà của Nguyễn Thị B: 01 (một) gói nylon không màu, hàn kín, kích thước khoảng (2,5 x 04)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (*ký hiệu M8*); 02 (hai) gói nylon không màu, có đặc điểm giống nhau, được hàn kín một đầu, một đầu có nhíp kéo màu đỏ, gói nylon thứ nhất có kích thước (04 x 3,5)cm, bên trong gói nylon này có chứa 03 (B) đoạn ống hút bằng nhựa không màu, được hàn kín 02 đầu, không đo kích thước, bên trong các đoạn ống nhựa này đều có chứa chất tinh thể màu trắng (*ký hiệu M9*); gói nylon thứ 2 có kích thước (04 x 04)cm, bên trong gói nylon này có chứa 04 (bốn) đoạn ống hút không màu, được hàn kín 02 đầu, không đo kích thước, bên trong các đoạn ống hút này đều chứa chất tinh thể màu trắng (*ký hiệu M10*).

Nguyễn Thị B khai nhận số chất tinh thể màu trắng và chất rắn màu trắng mà Cơ quan điều tra thu giữ trong nhà là ma túy của B tàng trữ nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời; số tiền 73.450.000 đồng là của B để dành tiết kiệm mà có; 01 (một) cân điện tử màu đen của B sử dụng để phân chia ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ và niêm phong đối với các đồ vật trên của Nguyễn Thị B để phục vụ công tác giám định ma túy và phục vụ cho công tác điều tra.

Tại Bản kết luận giám định số 1475/KL-KTHS ngày 24/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B (nay là tỉnh L) kết luận mẫu vật thu giữ của Phạm Thị T và Nguyễn Thị B như sau:

- Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 101,0666 gam; là Methamphetamine;

- Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 96,4265 gam; là Methamphetamine;

- Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 104,7677 gam; là Methamphetamine;

- Mẫu M4 gửi giám định có khối lượng 34,6033 gam; là Methamphetamine;

- Mẫu M5 gửi giám định có khối lượng 6,0838 gam; là Heroine;
- Mẫu M6 gửi giám định có khối lượng 1,5652 gam; là Heroine;
- Mẫu M7 gửi giám định có khối lượng 0,5307 gam; là Heroine;
- Mẫu M8 gửi giám định có khối lượng 0,7903 gam; là Methamphetamine;
- Mẫu M9 gửi giám định có khối lượng 0,4529 gam; là Methamphetamine;
- Mẫu M10 gửi giám định có khối lượng 0,7719 gam; là Methamphetamine;

Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của Phạm Thị T là: 101,0666 gam Methamphetamine (M1).

Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ của Nguyễn Thị B là 338,8792 gam Methamphetamine và 8,1797 gam Heroine (M1-M10).

Hoàn lại đối tượng giám định: 100,5563 gam mẫu M1; 96,0567 gam mẫu M2; 104,2582 gam mẫu M3; 34,3063 gam mẫu M4; 5,9312 gam mẫu M5; 1,4725 gam mẫu M6; 0,4559 gam mẫu M7; 0,7229 gam mẫu M8; 0,3866 gam mẫu M9; 0,7032 gam mẫu M10 còn lại sau giám định: Được niêm phong trong phong bì dán giấy NIÊM PHONG MẪU SAU GIÁM ĐỊNH số 1475 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Thích và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B1.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị B và Phạm Thị T khai nhận: Nguyễn Thị B có quen biết với người thanh niên tên T1 (không rõ nhân thân) và biết T1 có bán ma túy nên vào ngày 16/11/2024, B đã hỏi mua của T1 2.000.000 đồng ma túy nhằm mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời thì T1 đồng ý. Cùng ngày, T1 hẹn giao ma túy cho B tại khu vực X, phường B1, thị xã L, tỉnh B1 (nay là phường L, tỉnh L) và nói B số ma túy này T1 đã phân sẵn ra từng gói nhỏ, đồng thời nếu có khách nào ở xa hỏi mua ma túy thì T1 sẽ giới thiệu cho B bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, B đem ma túy về nhà cất giấu thì có người thanh niên (không rõ nhân thân) gọi hỏi mua của B 2.000.000 đồng ma túy và hẹn giao bán tại thành phố P thì B đồng ý. Sau đó, B lấy một phần ma túy trong số ma túy vừa mua được bỏ vào một hộp giấy màu trắng, bên ngoài có hình chiếc tông đơ hớt tóc hiệu “VINTAGE T9” và xuống nhà Phạm Thị T ở cùng xóm với B, để thuê T đem ma túy ra P bán giúp B với giá tiền thuê sau khi xong việc là 500.000 đồng thì T đồng ý. Vì vậy, T đi theo về nhà B, tại đây B đưa cho T số ma túy đã chuẩn bị trước đó và T cất vào túi quần bên trái đang mặc để cùng B đi ra P giao bán ma túy. Sau đó, B thuê xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48 của anh Nguyễn Trọng Q điều khiển chở B và T đi từ L ra P với giá 700.000 đồng để bán ma túy. Khi anh Q lái ô tô đến đón B và T thì trên xe có chị Trần Thị Như Y là vợ của anh Q ngồi ở hàng ghế phụ trước xe, T và B lên xe ngồi ở hàng ghế sau và tất cả đi từ thị xã L đến thành phố P. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi xe đến P thì T và B nói anh Q dừng xe ở khu vực phía trước Ngân hàng VietinBank trên đường Ng, thuộc khu phố 3, phường B2, thành phố P để chờ giao bán ma túy thì bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ ma túy trong người T và tiến hành khám xét khẩn cấp thu giữ ma túy tại nhà B.

** Vật chứng của vụ án:*

- 01 (một) phong bì niêm phong số 1475 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Thích và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B1;

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu xanh, mặt sau điện thoại có chữ OPPO, bên trong có chứa sim số 0336.464.047;

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, màu đen, mặt sau điện thoại có chữ OPPO mờ, bên trong có chứa sim số 0368.868.415;

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 76.450.000 đồng của Nguyễn Thị B (Bo gồm 3.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 73.450.000 đồng thu giữ khi khám xét);

- 01 (một) cân điện tử màu đen;

- 01 xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu HONDA loại CITY RS, biển kiểm soát 86A-233.48;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48;

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48;

- 01 (một) giấy biên nhận thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48.

** Xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 (một) xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu “HONDA” loại “CITY RS”, biển kiểm soát 86A-233.48 và các giấy tờ liên quan (gồm: giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy biên nhận thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 86A-233.48), quá trình điều tra xác định xe ô tô trên thuộc quyền quản lý hợp pháp của chị Quảng Thị Hồng P (sinh năm 1996, thường trú tại: thôn T1, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh B1 nay là xã T2, tỉnh L) là chị vợ của Nguyễn Trọng Q. Vào ngày 16/11/2024, chị P giao xe ô tô trên cho anh Q để chở khách đi từ thị xã L đến thành phố P, chị P và anh Q không biết việc Nguyễn Thị B và Phạm Thị T thuê xe để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cùng các giấy tờ trên cho chị Quảng Thị Hồng P.

- Chuyển toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1475, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Thích và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; 01 (một) cân điện tử màu đen; 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu đen bên trong có chứa sim 0368.868.415; 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu OPPO, màu xanh bên trong có chứa sim số 0336.464.047; số tiền 76.450.000 đồng đến Thi hành án dân sự tỉnh L để bảo quản, chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSLĐ-P1 ngày 08/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

1. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị B, Phạm Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm h khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2024; Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Thị B 50.000.000 đồng.

Áp dụng: Điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 20 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/11/2024; Phạt tiền bổ sung bị cáo Phạm Thị T 30.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1475, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Thích và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; 01 (một) cân điện tử màu đen.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước vật dùng vào việc phạm tội: 01 điện thoại di động loại cảm ứng, màu đen, mặt sau điện thoại có chữ OPPO mờ, bên trong có chứa sim số 0368.868.415 do bị cáo Nguyễn Thị B dùng vào việc liên lạc mua bán ma túy.

+ Đối với 01 điện thoại di động loại cảm ứng, màu xanh, mặt sau điện thoại có chữ OPPO, bên trong có chứa sim số 0336.464.047 thu giữ của bị cáo Phạm Thị T không liên quan đến hoạt động phạm tội nên trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với số tiền 76.450.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị B, đây là tiền của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Do đó trả lại cho bị cáo B, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2. Luật sư phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị B: Thống nhất với điều khoản, tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 57 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị B.

3. Bị cáo Nguyễn Thị B đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

4. Bị cáo Phạm Thị T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và không có khiếu nại gì của những người tham gia tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về việc từ chối người bào chữa: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, Cơ quan tiến hành tố tụng đã giải thích cho bị cáo Phạm Thị T về việc chỉ định người bào chữa theo điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng bị cáo Phạm Thị T đều từ chối người bào chữa, nên Cơ quan tiến hành tố tụng chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho bị cáo Toàn là đúng quy định tại khoản 3 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị B, Phạm Thị T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ, đủ cơ sở để kết luận:

[3.1] Vào lúc 20 giờ 05 phút, ngày 16/11/2024, tại khu vực phía trước Ngân hàng VietinBnk trên đường Ng, thuộc khu phố 3, phường B2, thành phố P, tỉnh B (nay là phường P, tỉnh L), lực lượng Công an bắt quả tang các bị cáo Nguyễn Thị B và Phạm Thị T đang tàng trữ trái phép 101,0666 gam Methamphetamine nhằm mục đích bán lại cho người khác kiếm lời. Nguồn gốc số ma túy này là của bị cáo Nguyễn Thị B thuê bị cáo Phạm Thị T giao bán giúp với tiền công là 500.000 đồng nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Tiếp tục khám xét nhà của bị cáo Nguyễn Thị B tại tổ 7, khu phố 11, phường B1, thị xã L, tỉnh B (nay là phường L, tỉnh L), lực lượng Công an phát hiện bị cáo B còn tàng trữ trái phép 237,8126 gam Methamphetamine và 8,1797 gam Heroine nhằm mục đích bán kiếm lời.

[3.2] Với hành vi phạm tội như trên, bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy tổng cộng là 338,8792 gam Methamphetamine và 8,1797 gam Heroine; bị cáo Phạm Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị B về hành vi mua bán trái phép chất ma túy là 101,0666 gam Methamphetamine. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với quan điểm bào chữa của Luật sư cho rằng các bị cáo chỉ chuẩn bị phạm tội và đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 57 Bộ luật Hình sự là không đúng quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội, mà còn là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị B có nhân thân xấu,

đã từng bị Tòa án tuyên phạt 02 năm tù cũng về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nay lại tiếp tục phạm tội, nên cần phải xử lý nghiêm, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Phạm Thị T, đủ để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tuy nhiên, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Thị B mua bán trái phép chất ma túy có số lượng lớn, mặc dù có nghề nghiệp ổn định nhưng lại bất chấp pháp luật để có thêm thu thập bất chính, vì vậy cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đối với bị cáo Phạm Thị T là người bị rủ rê, có vai trò thứ yếu trong đồng phạm và không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Xét thấy điện thoại di động bên trong có chứa sim số 0368.868.415 bị cáo Nguyễn Thị B dùng vào việc liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điện thoại bên trong có sim 0336.464.047 của bị cáo Phạm Thị T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[7.2] Đối với số tiền 76.450.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị B, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7.3] Số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 cân tiểu ly bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị B và Phạm Thị T cùng phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- *Căn cứ vào:* Điểm h khoản 4, khoản 6 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 39, Điều 58 Bộ luật Hình sự; *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thị B tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2024; Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị B 30.000.000 đồng (*B mươi triệu đồng*) sung vào ngân sách Nhà nước.

- *Căn cứ vào:* Điều b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị T 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2024.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu đen, mặt sau điện thoại có chữ OPPO mờ, bên trong có sim số 0368.868.415 được niêm phong trong phong bì bằng giấy, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Thị B và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy – Công an tỉnh B.

2. Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T 01 (một) điện thoại loại cảm ứng, màu xanh, mặt sau điện thoại có chữ OPPO, bên trong có chứa sim 0336.464.047 được niêm phong trong phong bì bằng giấy, bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Văn Thành, Phạm Thị T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy – Công an tỉnh B.

3. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cân điện tử màu đen và toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định trong phong bì dán giấy NIÊM PHONG MẪU SAU GIÁM ĐỊNH số 1475, bên ngoài phong bì có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Thích và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B.

4. Tiếp tục tạm giữ 76.450.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) của bị cáo Nguyễn Thị B để đảm bảo thi hành án.

(*Các vật chứng và số tiền nêu trên theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 12/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – L và Giấy nộp tiền ngày 12/12/2025*).

- *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội;

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thị B, Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh L;
- Người TGGT, Người bào chữa;
- THADS tỉnh L;
- PV06, PC04 (CA tỉnh L);
- Trại tạm giam số 3 (CA tỉnh L);
- UBND phường L – L;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

